

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 01 - 2024.

V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1064/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 675/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm: 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 496A T, Tổ 1, ấp T, xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 496A T, Tổ 1, ấp T, xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Lê Hữu T kết hôn tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, TP.HCM, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/CNKH, Quyền số 01/1999 ngày 13/5/1999. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm việc để phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng liên tiếp xảy ra những bất đồng trong cuộc sống, liên tục xảy ra cãi vã. Nhận thấy cuộc

sống hôn nhân hiện tại không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung có 01 con: Lê Tuấn Kiệt, sinh ngày 15/11/1995. Hiện tại, con chung Lê Tuấn Kiệt đã trưởng thành có thể tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân.

Tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

*** Bị đơn ông Lê Hữu T vắng mặt.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Đặng Thị Ngọc D và ông Lê Hữu T là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”; bị đơn trong vụ án là ông Lê Hữu T hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa Đặng Thị Ngọc D và ông Lê Hữu T có đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 37/CNKH, Quyền: 01/1999, ngày 13/5/1999. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà D trình bày sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm việc để phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng liên tiếp xảy ra những bất đồng trong cuộc sống, liên tục xảy ra cãi vã. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân hiện tại không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với Tuấn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động

nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà D nên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn với bà D là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T.

[4] Về con chung có 01 con là: Lê Tuấn K, sinh ngày: 15/11/1995. Con chung đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà D tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Ngọc D là được ly hôn với ông Lê Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 37/CNKH, Quyền số: 01/1999 ngày 13/5/1999 của UBND xã T, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 01 con chung tên: Lê Tuấn K, sinh ngày 15/11/1995. Hiện tại con chung đã trưởng thành.

3. Tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà D phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2023/0018184 ngày 09/10/2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- UBND xã T, H. Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc